

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



**EY**

Building a better  
working world

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 41

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 3 chi nhánh sau đây:

- Chi nhánh Hà Nội tại số 3, Lô B, Tổ 102, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; và
- Chi nhánh Đà Nẵng tại số 430 Nguyễn Tri Phương, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Trương Quốc Hưng	Thành viên	
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên	
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Tô Hữu Hùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Holland Patrick Thomas	Thành viên	từ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Tường Minh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Trọng Phúc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Phan Trọng Lâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông De Mecquenem Alexis	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Lê Cao Khánh	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Quốc Hưng  
Ông Tô Hữu Hùng

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Quốc Hưng.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tổng Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Dương Quốc Hưng  
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 8 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

**Building a better  
working world**

Số tham chiếu: 61280423-18689108/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 2 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better  
working world

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được soát xét và kiểm toán tương ứng bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, lần lượt phát hành các báo cáo chấp nhận toàn phần vào ngày 13 tháng 8 năm 2015 và ngày 29 tháng 3 năm 2016.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (được trình bày lại - Thuyết minh số 27)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>306.410.921.843</b>	<b>283.280.722.437</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>64.232.707.021</b>	<b>168.407.993.499</b>
111	1. Tiền		42.942.707.021	40.787.993.499
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.290.000.000	127.620.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>161.686.870.000</b>	<b>58.387.500.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	161.686.870.000	58.387.500.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>47.757.486.749</b>	<b>34.584.155.463</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		40.972.308.414	31.009.652.943
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.807.670.529	4.337.970.529
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		19.806.952.463	14.084.135.635
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(15.829.444.657)	(14.847.603.644)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>32.041.023.911</b>	<b>21.541.029.702</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	32.041.023.911	21.541.029.702
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>692.834.162</b>	<b>360.043.773</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	77.000.000	67.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		615.834.162	293.043.773
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>845.621.536.836</b>	<b>851.261.646.604</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>25.950.000</b>	<b>52.522.818</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		25.950.000	52.522.818
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>189.296.935.645</b>	<b>196.110.454.201</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	184.094.590.645	190.908.109.201
222	Nguyên giá		333.957.508.832	333.083.201.486
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(149.862.918.187)	(142.175.092.285)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	5.202.345.000	5.202.345.000
228	Nguyên giá		5.202.345.000	5.202.345.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>88.851.900</b>	<b>4.043.861.348</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		88.851.900	4.043.861.348
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>650.869.520.541</b>	<b>645.369.193.487</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	11.1	329.872.253.927	324.345.354.055
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.2	320.997.266.614	321.023.839.432
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.340.278.750</b>	<b>5.685.614.750</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	5.340.278.750	5.685.614.750
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.152.032.458.679</b>	<b>1.134.542.369.041</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (được trình bày lại - Thuyết minh số 27)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>167.535.636.816</b>	<b>158.434.439.420</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>103.566.830.206</b>	<b>98.823.417.859</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	3.651.217.948	2.849.574.856
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	20.096.711.564	12.485.843.504
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.281.804.413	9.628.015.607
314	4. Phải trả người lao động		589.597.673	787.469.677
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		38.243.898	164.016.999
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	59.706.318.263	57.029.402.265
320	7. Vay ngắn hạn	15	12.824.933.521	5.916.001.611
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.110.000.444	686.724.736
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.268.002.482	9.276.368.604
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>63.968.806.610</b>	<b>59.611.021.561</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	6.401.629.000	2.942.438.000
338	2. Vay dài hạn	15	55.440.905.400	55.956.313.681
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	23.3	358.769.298	712.269.880
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		1.767.502.912	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>984.496.821.863</b>	<b>976.107.929.621</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>984.496.821.863</b>	<b>976.107.929.621</b>
411	1. Vốn cổ phần	16.1	671.000.000.000	671.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		671.000.000.000	671.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	16.1	527.172.698	531.468.161
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	16.1	38.255.930.585	38.244.906.298
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	16.1	49.565.919.026	49.565.919.026
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.1	221.370.863.706	213.034.373.022
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		179.249.070.630	145.750.889.414
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		42.121.793.076	67.283.483.608
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	16.5	3.776.935.848	3.731.263.114
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.152.032.458.679</b>	<b>1.134.542.369.041</b>

Phạm Quang Minh  
Người lập

Trịnh Văn Quý  
Kế toán trưởng

Trương Quốc Hưng  
Tổng Giám đốc





Ngày 2 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	102.179.736.099	103.302.282.285
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(85.935.957.354)	(84.266.756.734)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.243.778.745	19.035.525.551
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	37.312.053.852	3.573.773.483
22	5. Chi phí tài chính	19	(450.209.982)	(453.502.928)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(431.359.982)	(448.186.340)
24	6. Phần lãi trong công ty liên kết		5.526.899.872	14.964.144.365
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(10.249.815.184)	(9.150.615.824)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		48.382.707.303	27.969.324.647
31	9. Thu nhập khác		181.414.132	260.052.948
32	10. Chi phí khác	21	(4.127.106.093)	(41.650.682)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác		(3.945.691.961)	218.402.266
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		44.437.015.342	28.187.726.913
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.2	(2.453.384.209)	(3.024.821.625)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.3	353.500.582	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		42.337.131.715	25.162.905.288
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		42.121.793.076	25.118.216.558
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		215.338.639	44.688.730
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.3	627	374
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.3	627	374

  
Phạm Quang Minh  
Người lập

  
Trịnh Văn Quý  
Kế toán trưởng



  
Trương Quốc Hưng  
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>44.437.015.342</b>	<b>28.187.726.913</b>
	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	7.729.518.556	7.899.400.069
03	Các khoản dự phòng		981.841.013	(169.590.493)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(38.854.952.912)	(18.537.917.848)
06	Chi phí lãi vay	19	431.359.982	448.186.340
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>14.724.781.981</b>	<b>17.827.804.981</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(11.401.389.870)	2.375.810.066
10	Tăng hàng tồn kho		(10.492.028.755)	(11.038.511.728)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		15.884.550.320	(1.388.573.650)
12	Giảm chi phí trả trước		335.336.000	307.063.273
14	Tiền lãi vay đã trả		(431.359.982)	(448.186.340)
15	Thuế TNDN đã nộp	23.2	(9.268.394.058)	(2.907.761.929)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.194.827.931)	(7.403.081.954)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(6.843.332.295)</b>	<b>(2.675.437.281)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(916.000.000)	(2.552.335.876)
23	Tiền gửi có kỳ hạn		(103.299.370.000)	(1.100.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.251.669.852	3.573.773.483
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(69.963.700.148)</b>	<b>(78.562.393)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	15	16.120.637.543	23.606.007.353
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	15	(9.727.113.914)	(9.217.362.370)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	16.4	(33.550.000.000)	(25.016.408.545)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	16.5	(211.777.664)	(128.870.321)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(27.368.254.035)</b>	<b>(10.756.633.883)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(104.175.286.478)	(13.510.633.557)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		168.407.993.499	158.612.194.656
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	64.232.707.021	145.101.561.099

  
Phạm Quang Minh  
Người lập

  
Trịnh Văn Quý  
Kế toán trưởng



  
Trương Quốc Hưng  
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (“Công ty”), các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết như sau:

**Công ty**

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (“Công ty”) trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 3 chi nhánh sau đây:

- Chi nhánh Hà Nội tại số 3, Lô B, Tổ 102, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; và
- Chi nhánh Đà Nẵng tại số 430 Nguyễn Tri Phương, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

**Công ty con**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có ba công ty con được trình bày như sau:

**Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình (“ECCO”)**

Công ty sở hữu 70% vốn chủ sở hữu của ECCO, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103000067 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của ECCO là xây dựng các công trình dân dụng. ECCO có trụ sở đăng ký tại số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ (“CanTho Shipyard”)**

Công ty sở hữu 70% vốn chủ sở hữu của Can Tho Shipyard, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5703000110 do SKHĐT Thành phố Cần Thơ cấp ngày 14 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của CanTho Shipyard là cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi. Can Tho Shipyard có trụ sở đăng ký tại 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

***Công ty con (tiếp theo)***

***Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")***

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của SOWATMES, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001933 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 11 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATMES là xây dựng các công trình dân dụng. SOWATMES có trụ sở đăng ký tại số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Công ty liên doanh và liên kết***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các công ty liên doanh và liên kết được trình bày như sau:

***Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT")***

Công ty sở hữu 37% vốn chủ sở hữu của VICT, một doanh nghiệp liên doanh được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư ("GPĐT") số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VICT là xây dựng và kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container. VICT có trụ chính tại Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 ("SOWATCO-ECO 747")***

Công ty sở hữu 49% vốn chủ sở hữu của SOWATCO-ECO 747, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNNĐKKD số 2900751997 do SKHĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCO-ECO 747 là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. SOWATCO-ECO 747 có trụ sở đăng ký tại số 161/1 Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

***Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam ("SOWATCOSER")***

Công ty sở hữu 26,27% vốn chủ sở hữu của SOWATCOSER, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0303215396 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCOSER là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. SOWATCOSER có trụ sở đăng ký tại số 38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 416 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 536).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tổng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi cổ đông của Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tổng Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất, được khấu trừ theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 6 năm

**3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Thông thường, Tổng Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tổng Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của giữa niên độ của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

▶ **Cổ tức**

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3.14 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải; cơ khí đóng tàu; xây dựng; xuất khẩu lao động; kinh doanh thương mại (dầu, nhớt); và hoạt động đầu tư tài chính trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	874.973.856	1.202.105.096
Tiền gửi ngân hàng	42.067.733.165	39.585.888.403
Các khoản tương đương tiền	21.290.000.000	127.620.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.232.707.021</b>	<b>168.407.993.499</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,5%/năm đến 6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	61.686.870.000	58.387.500.000
Ủy thác đầu tư (ii)	100.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>161.686.870.000</b>	<b>58.387.500.000</b>

- (i) Tổng Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số 15.2*).
- (ii) Đây là khoản ủy thác đầu tư cho Công ty TNHH MTV Quản lý Quý NHTMCP Công Thương Việt Nam với kỳ hạn mười hai (12) tháng từ ngày 17 tháng 3 năm 2016 nhằm mục đích đầu tư vào các loại chứng khoán, giấy tờ có giá và các hoạt động đầu tư khác.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>40.972.308.414</b>	<b>31.009.652.943</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>		
<i>Công ty TNHH Than Tân Phú Đồng</i>	11.452.391.031	7.298.734.894
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ</i>	7.395.163.138	5.004.675.791
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	4.487.059.450	4.487.059.450
	17.637.694.795	14.219.182.808
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>2.807.670.529</b>	<b>4.337.970.529</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại M.H.P</i>	1.686.000.000	-
<i>Công ty TNHH Xây dựng Công trình thủy Hồng Phúc</i>	332.000.000	99.880.000
<i>Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Phong Phú Thịnh</i>	-	1.556.450.000
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Khang Đại Hưng</i>	-	1.113.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	789.670.529	1.568.640.529
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>19.806.952.463</b>	<b>14.084.135.635</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu về tiền lương, BHXH của thuyền viên từ các đại lý</i>	15.239.704.764	12.790.160.357
<i>Lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	3.050.000.000	-
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	1.483.395.838	1.242.012.452
<i>Phải thu khác</i>	33.851.861	51.962.826
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(15.829.444.657)</b>	<b>(14.847.603.644)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>47.757.486.749</b>	<b>34.584.155.463</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	14.847.603.644	14.563.246.775
Dự phòng trích lập trong kỳ	981.841.013	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(169.590.493)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>15.829.444.657</u></b>	<b><u>14.393.656.282</u></b>

*Nợ xấu*

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	6.463.918.325	-	6.463.918.325	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ	4.487.059.450	-	4.487.059.450	-
Công ty TNHH Xi măng Sơn Hồng	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Khác	3.947.805.173	69.338.291	2.896.625.869	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.898.782.948</u></b>	<b><u>69.338.291</u></b>	<b><u>14.847.603.644</u></b>	<b><u>-</u></b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.031.828.970	9.966.796.985
Hàng hóa	11.027.553.565	10.642.952.908
Nguyên liệu, vật liệu	976.404.127	916.943.961
Công cụ, dụng cụ	5.237.249	14.335.848
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>32.041.023.911</u></b>	<b><u>21.541.029.702</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê văn phòng	60.000.000	60.000.000
Chi phí khác	17.000.000	7.000.000
<b>Dài hạn</b>		
Phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp	<u>5.340.278.750</u>	<u>5.685.614.750</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.417.278.750</u></b>	<b><u>5.752.614.750</u></b>



## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	213.160.910.766	18.757.028.370	99.996.204.612	1.169.057.738	333.083.201.486
Mua mới trong kỳ	-	916.000.000	-	-	916.000.000
Giảm khác	-	-	-	(41.692.654)	(41.692.654)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	213.160.910.766	19.673.028.370	99.996.204.612	1.127.365.084	333.957.508.832
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	11.125.299.735	6.971.078.654	13.337.042.059	826.163.617	32.259.584.065
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(70.834.143.093)	(13.248.479.150)	(57.111.465.241)	(981.004.801)	(142.175.092.285)
Khấu hao trong kỳ	(3.847.975.444)	(695.214.914)	(3.156.128.122)	(30.200.076)	(7.729.518.556)
Giảm khác	-	-	-	41.692.654	41.692.654
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	(74.682.118.537)	(13.943.694.064)	(60.267.593.363)	(969.512.223)	(149.862.918.187)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	142.326.767.673	5.508.549.220	42.884.739.371	188.052.937	190.908.109.201
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	138.478.792.229	5.729.334.306	39.728.611.249	157.852.861	184.094.590.645

Tổng Công ty đã sử dụng phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 16.600.133.658 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong *Thuyết minh số 15.2.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại các địa điểm sau:

- Quyền sử dụng đất tại số 1461 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ở giữa Công ty với Công ty TNHH Liên doanh Phú Mỹ Hưng (“PMH”) ngày 20 tháng 6 năm 2009. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc chuyển quyền sử dụng đất từ PMH sang Công ty.
- Quyền sử dụng đất của Công ty tại số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ngày 7 tháng 7 năm 1999.

Ngày 21 tháng 7 năm 2011, Công ty nhận được Quyết định số 3573/QĐ-UBND từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Công ty được sử dụng khu đất này dưới hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để tiếp tục sử dụng làm văn phòng và ủy quyền cho Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác định tiền sử dụng đất mà Công ty phải nộp.

Ngày 24 tháng 12 năm 2014, Công ty nhận được tờ trình số 572/TTr-TVC-HĐTĐGTP từ Tổ chuyên viên trình Hội đồng Thẩm định giá Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và phê duyệt, theo đó chi phí sử dụng đất được ước tính là 11.185.314.538 VND.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2014 đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty không nhận thêm bất kỳ văn bản nào khác từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chi phí sử dụng đất phải nộp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, Ban Tổng Giám đốc cho rằng hiện nay chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này, và do đó Tổng Công ty đã không ghi nhận khoản nợ phải trả với số tiền nêu trên trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đồng thời chưa tiến hành trích hao mòn cho giá trị quyền sử dụng đất nêu trên.

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh số 11.1)	329.872.253.927	324.345.354.055
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (Thuyết minh số 11.2)	<u>320.997.266.614</u>	<u>321.023.839.432</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>650.869.520.541</u></b>	<b><u>645.369.193.487</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**11.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết**

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	VND			
	<i>Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1</i>	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747</i>	<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Giá trị đầu tư</b>				
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	155.730.813.876	3.561.349.400	3.039.240.000	162.331.403.276
<b>Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua các công ty liên doanh, liên kết</b>				
Số đầu kỳ	165.454.445.760	(3.561.349.400)	120.854.419	162.013.950.779
Phần lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	14.877.511.752	-	(13.397.700)	14.864.114.052
Cổ tức nhận được trong kỳ	(9.337.214.180)	-	-	(9.337.214.180)
Số cuối kỳ	170.994.743.332	(3.561.349.400)	107.456.719	167.540.850.651
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	321.185.259.636	-	3.160.094.419	324.345.354.055
Số cuối năm	326.725.557.208	-	3.146.696.719	329.872.253.927

**11.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Giá gốc khoản đầu tư	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Keppel Land Watco (*)	320.184.141.975	16,00	320.184.141.975	16,00
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	440.000.000	0,05	440.000.000	0,05
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động và Dịch vụ Vận tải thủy Miền Nam	373.124.639		373.124.639	
Khác	-		26.572.818	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>320.997.266.614</b>		<b>321.023.839.432</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**11.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (tiếp theo)**

(\*) Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Keppel Land Watco ("Keppel Land Watco") là một doanh nghiệp liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép đầu tư ("GPĐT") số 626/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 19 tháng 6 năm 1993 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Keppel Land Watco là sở hữu và phát triển khu văn phòng và căn hộ cho thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh để tạo thu nhập từ hoạt động cho thuê và các dịch vụ khác. Keppel Land Watco có trụ sở chính tại Lầu 4, Tòa nhà Saigon Centre, số 65 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2016, cổ đông của Tổng Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về việc thoái vốn tại Keppel Land Watco.

Theo Quyết định của HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2016, HĐQT đã thông qua việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Keppel Land Watco với tổng giá trị chuyển nhượng dự kiến là 845.880.000.000 VND và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty ký kết các hợp đồng và các văn bản có liên quan đến việc chuyển nhượng nói trên.

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>3.651.217.948</b>	<b>2.849.574.856</b>
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quốc Chính	1.365.881.583	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	611.243.116	-
Công ty TNHH JX Nippon Oil & Energy Việt Nam	498.380.080	-
Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Sông Sài Gòn	-	1.477.872.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tây Thái Bình Dương	-	813.900.604
Phải trả người bán khác	1.175.713.169	557.802.252
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>20.096.711.564</b>	<b>12.485.843.504</b>
<i>Trong đó:</i>		
Ban Quản lý Dự án Quận 11	16.998.250.100	8.871.044.350
Người mua trả tiền trước khác	3.098.461.464	3.614.799.154
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.747.929.512</b>	<b>15.335.418.360</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

			VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế TNDN (Thuyết minh số 23.2)	8.058.666.636	2.453.384.209	(9.268.394.058)	1.243.656.787
Thuế GTGT	1.134.859.058	663.899.196	(1.288.051.455)	510.706.799
Thuế thu nhập cá nhân	427.489.433	791.945.939	(1.010.769.424)	208.665.948
Khác	7.000.480	2.637.358.105	(2.325.583.706)	318.774.879
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.628.015.607</u></b>	<b><u>6.546.587.449</u></b>	<b><u>(13.892.798.643)</u></b>	<b><u>2.281.804.413</u></b>

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả cho thuyền viên	26.358.006.276	25.456.284.059
Nhận ký quỹ	7.292.705.084	7.069.435.534
Doanh thu chưa thực hiện	7.135.009.627	5.867.969.435
Phải trả hãng tàu	2.608.399.682	2.652.317.134
Bảo hiểm thuyền viên	1.320.120.960	811.482.989
Kinh phí công đoàn	292.049.184	276.834.603
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	176.284.173	36.377.567
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.523.743.277	14.858.700.944
	<u>59.706.318.263</u>	<u>57.029.402.265</u>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ từ thuyền viên	5.585.100.000	1.687.500.000
Nhận ký quỹ thuê nhà và thuê sân bãi	424.500.000	904.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	392.029.000	350.438.000
	<u>6.401.629.000</u>	<u>2.942.438.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>66.107.947.263</u></b>	<b><u>59.971.840.265</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 15.1)	11.718.674.646	4.958.094.641
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15.2)	1.006.258.875	957.906.970
Vay cá nhân	100.000.000	-
	<u>12.824.933.521</u>	<u>5.916.001.611</u>
<b>Dài hạn</b>		
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 15.2)	<u>55.440.905.400</u>	<u>55.956.313.681</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>68.265.838.921</u></b>	<b><u>61.872.315.292</u></b>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu kỳ	5.916.001.611	55.956.313.681
Tiền thu từ đi vay	16.120.637.543	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(9.727.113.914)	-
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	<u>515.408.281</u>	<u>(515.408.281)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>12.824.933.521</u></b>	<b><u>55.440.905.400</u></b>

**15.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng**

Tổng Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	9.576.133.018	Từ ngày 18 tháng 11 năm 2016 đến ngày 29 tháng 12 năm 2016	6	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	2.142.541.628	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2016 đến 18 tháng 10 năm 2016	7,5	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.718.674.646</u></b>			

## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. VAY (tiếp theo)

#### 15.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Tổng Công ty có các khoản vay dài hạn theo các hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II					
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường ("Khoản vay OCR") (i)	49.884.610.791	2.278.857	Ngày 15 tháng 11 năm 2034	0,68	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 16.600.133.658 VND và tiền gửi có kỳ hạn trị giá 50.000.000.000 VND
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt ("Khoản vay ADF") (ii)	6.562.553.484	299.797	Ngày 15 tháng 11 năm 2041	1,00	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>56.447.164.275</b>	<b>2.578.654</b>			

Trong đó  
Vay dài hạn 55.440.905.400  
Vay dài hạn đến hạn trả 1.006.258.875

Theo Hiệp định vay phụ ngày 8 tháng 10 năm 2010 giữa Bộ Tài chính ("BTC") và Công ty, BTC sẽ cho Tổng Công ty vay lại các khoản vay mà BTC vay được từ ADB theo những điều kiện và điều khoản được ADB chấp thuận, chi tiết như sau:

- (i) Khoản vay OCR theo Hiệp định vay số 2613-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án tái cấu trúc tài chính và tái cấu trúc doanh nghiệp của Tổng Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 25 năm với lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 15 tháng 11 năm 2034.
- (ii) Khoản vay ADF theo Hiệp định vay số 2614-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án củng cố và tái cấu trúc hoạt động của Tổng Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 32 năm với lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1,5%/năm trong các năm sau đó. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2018 đến ngày 15 tháng 11 năm 2041.

## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 16.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	671.000.000.000	531.468.161	25.995.112.256	12.207.973.959	49.565.919.026	167.127.284.116	926.427.757.518
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	25.118.216.558	25.118.216.558
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(25.016.408.545)	(25.016.408.545)
Trích lập các quỹ	-	-	-	14.861.974	-	(29.723.948)	(14.861.974)
Tặng (giảm) khác	-	-	-	(4.373.748)	-	684.627.531	680.253.783
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	671.000.000.000	531.468.161	25.995.112.256	12.218.462.185	49.565.919.026	167.883.995.712	927.194.957.340

#### Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	671.000.000.000	531.468.161	38.244.906.298	-	49.565.919.026	210.185.293.502	969.527.586.987
(đã được trình bày trước đây) Trình bày lại (Thuyết minh số 27)	-	-	-	-	-	2.849.079.520	2.849.079.520
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 (được trình bày lại)	671.000.000.000	531.468.161	38.244.906.298	-	49.565.919.026	213.034.373.022	972.376.666.507
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	42.121.793.076	42.121.793.076
Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	-	-	(33.550.000.000)	(33.550.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	44.280.152	-	-	(106.059.751)	(61.779.599)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(43.600.001)	(43.600.001)
Giảm khác	-	(4.295.463)	(33.255.865)	-	-	(85.642.640)	(123.193.968)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	671.000.000.000	527.172.698	38.255.930.585	-	49.565.919.026	221.370.863.706	980.719.886.015

(\*) Tổng Công ty đã trả cổ tức năm 2015 bằng tiền tại mức 5% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2016.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**16.2 Cổ phiếu**

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	67.100.000	67.100.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	67.100.000	67.100.000
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.		

**16.3 Lãi trên cổ phiếu**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VND)	42.121.793.076	25.118.216.558
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(61.779.599)	(14.861.974)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>42.060.013.477</b>	<b>25.103.354.584</b>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành bình quân	67.100.000	67.100.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	627	374
- Lãi suy giảm	627	374

Tổng Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**16.4 Cổ tức**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong kỳ	33.550.000.000	25.016.408.545

**16.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	3.731.263.114	3.493.541.448
Lợi nhuận trong kỳ	215.338.639	44.688.730
Cổ tức đã trả	(211.777.664)	(128.870.321)
Các khoản khác	42.111.759	(3.572.924)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.776.935.848</b>	<b>3.405.786.933</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. DOANH THU**

**17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Doanh thu cung cấp dịch vụ	70.944.852.657	74.392.999.738
Doanh thu bán hàng hóa	22.332.041.346	22.791.666.456
Doanh thu bán thành phẩm	6.356.116.641	6.117.616.091
Doanh thu xây dựng	2.546.725.455	-
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>102.179.736.099</u></b>	<b><u>103.302.282.285</u></b>

**17.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.417.263.225	-
Lãi tiền gửi	4.884.406.627	3.573.773.483
Khác	10.384.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>37.312.053.852</u></b>	<b><u>3.573.773.483</u></b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	56.800.053.314	56.768.727.552
Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.849.051.539	21.864.902.238
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.740.127.046	5.633.126.944
Giá vốn xây dựng	2.546.725.455	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>85.935.957.354</u></b>	<b><u>84.266.756.734</u></b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Chi phí lãi vay	431.359.982	448.186.340
Chi phí tài chính khác	18.850.000	5.316.588
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>450.209.982</u></b>	<b><u>453.502.928</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nhân công	3.656.308.533	5.281.709.920
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.767.502.912	-
Dự phòng các khoản phải thu	981.841.013	1.880.408.959
Dự phòng bảo hành công trình	433.943.153	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	153.915.078	213.833.694
Chi phí khác	3.256.304.495	1.774.663.251
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.249.815.184</u></b>	<b><u>9.150.615.824</u></b>

**21. CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.947.043.994	-
Chi phí khác	180.062.099	41.650.682
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.127.106.093</u></b>	<b><u>41.650.682</u></b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nhân công	23.763.003.906	18.730.096.476
Giá vốn hàng hóa đã bán	21.849.051.539	21.864.902.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 9)	7.729.518.556	7.899.400.069
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.845.048.914	11.264.701.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.878.809.992	2.080.195.318
Chi phí khác	31.120.339.631	31.578.076.724
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>96.185.772.538</u></b>	<b><u>93.417.372.558</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**23.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.453.384.209	3.024.821.625
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(353.500.582)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.099.883.627</b>	<b>3.024.821.625</b>

**23.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>44.437.015.342</b>	<b>28.187.726.913</b>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các chi phí không được trừ	4.006.565.891	525.606.657
Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả	1.767.502.912	-
Phần lãi trong công ty liên kết	(5.526.899.872)	(14.964.144.365)
Cổ tức nhận được	(32.417.263.225)	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>12.266.921.048</b>	<b>13.749.189.205</b>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính</b>	<b>2.453.384.209</b>	<b>3.024.821.625</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	8.058.666.636	2.189.011.714
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(9.268.394.058)	(2.907.761.929)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>1.243.656.787</b>	<b>2.306.071.410</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**23.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Tổng Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	712.269.880	712.269.880	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(353.500.582)	-	(353.500.582)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>358.769.298</b>	<b>712.269.880</b>	<b>(353.500.582)</b>	<b>-</b>

## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Nhận cổ tức	33.226.463.697 9.337.214.180	33.511.805.670 9.760.077.560
Công ty Liên doanh Keppel Land Watco	Bên liên quan	Nhận cổ tức	19.080.049.045	-
Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu với bên liên quan như sau:				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	6.463.918.325
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	4.506.604.667	376.210.755
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	481.868.039	458.605.814
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>11.452.391.031</b>	<b>7.298.734.894</b>
Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám Giám đốc như sau:				
Lương, thù lao và thưởng			608.100.000	516.300.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tổng Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đến 1 năm	4.311.161.452	4.404.761.452
Trên 1 - 5 năm	5.325.467.672	7.726.686.334
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.636.629.124</b>	<b>12.131.447.786</b>

**26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải; cơ khí đóng tàu; xây dựng; xuất khẩu lao động; kinh doanh thương mại (dầu, nhớt); và hoạt động đầu tư tài chính trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Hoạt động đầu tư tài chính	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>							
Doanh thu bộ phận	15.889.369.949	10.260.076.780	10.659.616.800	5.647.047.184	59.723.625.386	37.954.547.097	140.134.283.196
Lợi nhuận bộ phận	(2.422.285.467)	(134.505.227)	1.069.622.872	496.553.373	17.234.393.194	37.954.547.097	54.198.325.842
<u>Đối chiếu:</u>							
Lãi tiền gửi							4.884.406.627
Chi phí lãi vay							(431.359.982)
Chi phí không phân bổ							(14.214.357.145)
Lợi nhuận kế toán trước thuế							44.437.015.342
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>							
Khấu hao	(219.728.095)	(717.553.998)	(126.525.222)	(11.298.153)	(6.654.413.088)	-	(7.729.518.556)
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	(176.076.340)	(805.764.673)	-	(981.841.013)
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>							
Tài sản bộ phận	16.695.198.669	20.600.449.945	22.978.364.860	14.958.361.013	183.013.859.220	815.606.390.541	1.073.852.624.248
<u>Đối chiếu:</u>							
Phải thu bộ phận							78.179.834.431
Tài sản không phân bổ							1.152.032.458.679
Tổng tài sản							74.703.909.774
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	701.439.332	3.211.058.646	20.739.256.829	47.307.054.157	2.745.100.810	-	-
<u>Đối chiếu:</u>							
Phải trả bộ phận							92.831.727.042
Nợ phải trả không phân bổ							167.535.636.816
Tổng nợ phải trả							



## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau: (tiếp theo)

	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Hoạt động đầu tư tài chính	VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>							
<b>Doanh thu bộ phận</b>	15.907.610.868	11.670.021.376	8.352.694.817	3.910.584.804	63.461.370.420	14.964.144.365	118.266.426.650
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	926.764.218	651.973.736	1.078.939.354	600.856.485	15.776.991.758	14.964.144.365	33.999.669.916
<b>Đối chiếu</b>							
Lãi tiền gửi							3.573.773.483
Chi phí lãi vay							(448.186.340)
Chi phí không phân bổ							(8.937.530.146)
Lợi nhuận kế toán trước thuế							28.187.726.913
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>							
Khấu hao	(219.980.342)	(816.160.607)	(99.143.017)	(7.823.980)	(6.756.292.123)	-	(7.899.400.069)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-	169.590.493	-	169.590.493
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>							
<b>Tài sản bộ phận</b>	14.173.681.296	21.780.891.025	12.908.633.301	12.312.418.632	188.190.135.412	703.756.693.487	953.122.453.153
<b>Đối chiếu:</b>							
Phải thu bộ phận							181.419.915.888
Tài sản không phân bổ							1.134.542.369.041
Tổng tài sản							67.188.133.298
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	452.960.146	2.313.322.062	17.227.793.601	45.421.386.346	1.772.671.143	-	-
<b>Đối chiếu:</b>							
Phải trả bộ phận							91.246.306.122
Nợ phải trả không phân bổ							158.434.439.420
Tổng nợ phải trả							-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU KẾ TOÁN NĂM TRƯỚC**

Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố khoản mục dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, thuế thu nhập hoãn lại phải trả và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh từ việc hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư vào một công ty liên kết, là Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747. Việc ghi nhận này đã được điều chỉnh hồi tố bằng cách ghi giảm tài khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, ghi tăng tài khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền lần lượt là 3.561.349.400 VND, 712.269.880 VND và 2.849.079.520 VND.

Ngoài ra, một vài dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ này, chi tiết như sau:

	VND			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>Ảnh hưởng của trình bày lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (đã được phân loại/trình bày lại)</i>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23.710.918.049	7.298.734.894	-	31.009.652.943
Thuế GTGT được khấu trừ	-	293.043.773	-	293.043.773
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	293.043.773	(293.043.773)	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	644.529.496.030	(320.184.141.975)	-	324.345.354.055
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	839.697.457	320.184.141.975	-	321.023.839.432
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.561.349.400)	-	- 3.561.349.400	-
Phải trả ngắn hạn khác	49.730.667.371	7.298.734.894	-	57.029.402.265
Vay ngắn hạn	4.958.094.641	957.906.970	-	5.916.001.611
Vay dài hạn	56.914.220.651	(957.906.970)	-	55.956.313.681
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	712.269.880	712.269.880
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	5.154.133.212	137.747.676.682	2.849.079.520	145.750.889.414
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	205.031.160.290	(137.747.676.682)	-	67.283.483.608

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

  
\_\_\_\_\_  
Phạm Quang Minh  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Trịnh Văn Quý  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Trương Quốc Hưng  
Tổng Giám đốc



Ngày 2 tháng 8 năm 2016